

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng tại CCN Sông Trà, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 10/HHHD ngày 02/7/2021 của Công ty TNHH MTV Hào Hưng Hiệp Đức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 576/TTr-STNMT ngày 23/7/2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng với diện tích 143.158,9 m² tại Cụm công nghiệp Sông Trà, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH MTV Hào Hưng Hiệp Đức làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại Quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Đức; Chủ tịch UBND xã Sông Trà; Giám đốc Công ty TNHH MTV Hào Hưng Hiệp Đức; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Hiệp Đức;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN GHEP THANH VÀ VIÊN NÉN NĂNG LƯỢNG TẠI CỤM CÔNG NGHIỆP SÔNG TRÀ, XÃ SÔNG TRÀ, HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng tại Cụm công nghiệp Sông Trà, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Hào Hưng Hiệp Đức.
- Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Sông Trà, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

a) Phạm vi Dự án

Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng tại Cụm công nghiệp Sông Trà, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam với diện tích thực hiện là 143.158,9 m², Dự án có giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp đường Trường Sơn Đông.
- Phía Tây: giáp đất trồng rừng sản xuất.
- Phía Nam: giáp đất trồng rừng sản xuất.
- Phía Đông: giáp đất trồng rừng sản xuất.

b) Quy mô của Dự án

Nhà máy đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất ván ghép thanh và viên nén với công suất như sau:

- Giai đoạn 1: + Ván ghép thanh : 50.000 m³/năm;
+ Viên nén năng lượng : 80.000 tấn/ năm.
- Giai đoạn 2: + Ván ghép thanh : 100.000 m³/năm;
+ Viên nén năng lượng : 180.000 tấn/ năm.

1.3. Các hạng mục chính của Dự án

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Diện tích xây dựng
I	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH			
1	Nhà bảo vệ	m ²	1	9
2	Trạm cân	m ²	1	96

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Diện tích xây dựng
3	Nhà để xe nhân viên	m ²	1	258
4	Nhà văn phòng	m ²	1	1.300,00
5	Nhà căng tin	m ²	1	1.344,00
6	Nhà vệ sinh nhân viên	m ²	2	870
7	Nhà băm dăm	m ²	1	972
8	Nhà xưởng	m ²	3	33.000,00
9	Nhà xưởng và lò sấy	m ²	1	11.000,00
11	Bãi chứa dăm	m ²	1	10.295,00
12	Bãi chứa gỗ nguyên liệu	m ²	1	12.544,00
13	Bãi đỗ xe	m ²	1	2.823,00
II	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ			
1	Trạm điện	m ²	1	6,25
2	Đất dự trữ	m ²	1	5.405,00
3	Giao thông nội bộ	m ²	-	43.819,00
4	Hồ chứa nước cấp	m ²	1	1.000
5	Bể nước phòng cháy chữa cháy và nhà trạm bơm	m ²	1	306
6	Bể nước sinh hoạt	m ²	1	60
7	Cổng ra vào			-
8	Tường rào			-
9	Vườn hoa, cây xanh	m ²		17.802,00
III	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			
1	Nhà chứa rác thải thông thường	m ²	1	34,75
2	Nhà chứa rác thải nguy hại	m ²	1	34,75
3	Hệ thống xử lý nước thải	m ²	1	180
4	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	hệ thống	2	-
5	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy viên nén	hệ thống	6	-
6	Hệ thống thu gom, xử lý bụi sản xuất	hệ thống	8	-
7	Hệ thống thoát nước mưa	hệ thống	1	-
8	Hệ thống thoát nước thải	hệ thống		-

1.4. Nguyên liệu trong hoạt động sản xuất:

Tổng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất của nhà máy khoảng 428.250 tấn/năm, gồm:

- Sản xuất ván ghép thanh

Nguyên liệu sản xuất ván ghép thanh là gỗ keo tròn. Với công suất nhà máy hoạt động 100.000 m³/năm thì nhu cầu sử dụng nguyên liệu gỗ keo tròn trung bình khoảng 225.000 m³/năm, tương đương khoảng 128.250 tấn/năm.

- Sản xuất viên nén năng lượng

Nguyên liệu sản xuất viên nén gỗ tại nhà máy là các nguyên liệu, phế phẩm từ quá trình khai thác, cưa, xẻ gỗ, chế biến gỗ như:

+ Gỗ keo tròn loại nhỏ;

+ Phế liệu gỗ, chất thải rắn của quá trình sản xuất ván ghép thanh.

Với công suất 180.000 tấn/năm thì tổng nhu cầu nguyên liệu đầu vào khoảng 300.000 tấn/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Bụi thải từ quá trình thi công xây dựng Nhà máy.

- Khí thải phát sinh từ việc vận hành máy móc thiết bị thi công tại công trình.

- Khí thải của công đoạn hàn, cắt sắt thép khi thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Bụi thải

+ Bụi từ hoạt động sản xuất ván ghép thanh (công đoạn cắt, rong, cưa, bào, chà nhám) và từ hoạt động sản xuất viên nén (công đoạn băm, nghiền, sấy, ép viên và tại khu vực tập kết mùn cưa, phôi bào);

+ Bụi đất từ hoạt động giao thông.

- Khí thải

+ Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂;

+ Khí thải đốt củi từ quá trình sấy ván ghép thanh bằng lò hơi (dây chuyền sản xuất ván ghép thanh) và quá trình sấy viên nén bằng máy sấy thùng quay (dây chuyền chế biến viên nén). Chất gây ô nhiễm là bụi, CO, NO_x, SO₂;

+ Khí thải khác: Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn dán keo (dây chuyền sản xuất ván ghép thanh), mùi hôi tại khu vực chứa rác, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng: 2,25 m³/ng.đ. Tính chất của nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng: 02 - 03 m³/ngày. Thành phần nước thải gồm đất cát, cặn lơ lửng, vụn bê tông và các tạp chất lơ lửng khác.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng lớn nhất: 153,8 l/s, chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 9,75 m³/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất trong giai đoạn hoạt động: các công đoạn sản xuất ván ghép thanh và viên nén tại nhà máy không làm phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất. Nước thải phát sinh chủ yếu là nước rỉ dăm tại bãi chứa dăm khi có mưa lớn kéo dài. Thành phần: chủ yếu chứa cặn lơ lửng, mùn cưa, mùn dăm,... và màu từ gỗ. Lưu lượng phát sinh khoảng 11,1 – 18,4 m³/h.

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng lớn nhất: 112,2 l/s, chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Chất thải rắn xây dựng

+ Lớp đất hữu cơ bề mặt khi đào xử lý nền đất: khối lượng phát sinh khoảng 28.632m³;

+ Các loại phế thải trong xây dựng như đất đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt

thép vụn với khối lượng thải ra khoảng 01- 02 kg/ngày;

+ Đất đào dư thừa do thi công nền móng với khối lượng 250 m³;

+ Ngoài ra, còn có sinh khối thực vật khi phát quang, dọn dẹp mặt bằng tại khu vực khe thoát nước phía Bắc dự án. Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 10m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu bao bì ni lông, chai lọ bằng nhựa, thủy tinh, vỏ đồ hộp, thực phẩm thừa với khối lượng khoảng 20 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: thực phẩm thừa, giấy vụn, bao bì, chai lọ, những chất thải rắn liên quan trong quá trình làm việc của công nhân viên với khối lượng 60 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất

+ Mùn cưa, dăm bào phát sinh tại các công đoạn trong quá trình sản xuất như cưa, xẻ, cắt (của sản xuất ván ghép thanh); rơi vãi tại công đoạn băm dăm và vận chuyển nguyên liệu bằng băng tải (của sản xuất viên nén). Khối lượng khoảng 1,86 tấn/ngày;

+ Phế liệu của quá trình sản xuất ván ghép thanh (bìa, rìa, sản phẩm không đạt chất lượng). Khối lượng khoảng 85,5 tấn/ngày;

+ Bụi thu gom từ các các thiết bị lọc bụi. Khối lượng khoảng 0,39 tấn/ngày;

+ Tro từ quá trình đốt củi tại lò hơi, lò sấy. Khối lượng khoảng 0,1 tấn/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh trong các quá trình thi công xây dựng Dự án với khối lượng phát sinh 5-10 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu nhớt thay thế, mỡ bôi trơn, bóng đèn các loại, giẻ lau dính dầu mỡ trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc, giẻ lau, bao bì, thùng đựng keo dán gỗ với khối lượng 10-20 kg/tháng.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

3.1.1. Đối với bụi và khí thải

a) Đối với quá trình san nền, thi công xây dựng

- Đất vận chuyển về theo nhu cầu sử dụng.

- Tiến hành san lấp, lu lèn dứt điểm tại từng khu vực.

- Vào những ngày nắng gió, tiến hành phun nước giữ ẩm đối với khu vực mới san gạt, đào đắp.

- Ngừng ngay việc san nền khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi (như: gió lớn, lốc, bão).

- Phun nước tạo độ ẩm tại các khu vực đào móng, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và tuyến đường vận chuyển trong công trường (02 lần/ngày).

- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, công suất.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc.

- Hạn chế tập trung máy móc thi công hoạt động cùng lúc.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Đối với hoạt động vận chuyển

- Phun nước giữ ẩm tại công trường và đoạn đường Trường Sơn Đông qua công dự án.

- Không chất vật liệu cao quá thùng xe, sàn xe được lót kín, phía trên phủ bạt để tránh rơi vãi.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã qua đăng kiểm và cho phép lưu hành.

- Vận chuyển đúng tải trọng cho phép của xe.

3.1.2. Đối với nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt: thuê nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý. Yêu cầu các nhà thầu nhắc nhở công nhân đi vệ sinh đúng nơi quy định.

b) Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, sau đó dẫn ra khe thoát nước khu vực. Kích thước hố lắng khoảng $L \times B \times H = 2,0 \times 1,5 \times 1,0\text{m}$.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)

- Chất thải rắn xây dựng: toàn bộ chất thải rắn xây dựng sẽ được công nhân thu gom hằng ngày.

- + Đối với chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, các loại xà bần, gỗ phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cá nhân hay đơn vị có nhu cầu;

- + Những chất thải còn lại không tận dụng được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- + Đất bóc hữu cơ được sử dụng để phủ bề mặt tại các khu vực bố trí trồng cây xanh, vườn hoa dự án;

+ Đối với đất đào móng công trình, được vận chuyển để san nền tại các khu vực chưa san nền. Khối lượng đất đắp, đất đào được cân bằng tại chỗ, không vận chuyển ra ngoài dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác xung quanh khu vực thi công sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Được thu gom, phân loại và tập kết tại kho chất thải nguy hại tạm thời.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động

3.2.1. Giảm thiểu tác động của bụi và khí thải

a) Bụi phát sinh từ các hoạt động sản xuất

- Lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất đồng bộ để hạn chế bụi phát sinh.

- Xây dựng nhà xưởng đúng quy định về an toàn, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo duy trì độ thông thoáng, chế độ vi khí hậu bên trong công trình, nhất là tại những vị trí thao tác của người công nhân bằng biện pháp thông gió tự nhiên.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy và tại các khuôn viên để hạn chế sự lan truyền bụi, tiếng ồn, khí thải, đồng thời giảm bức xạ nhiệt.

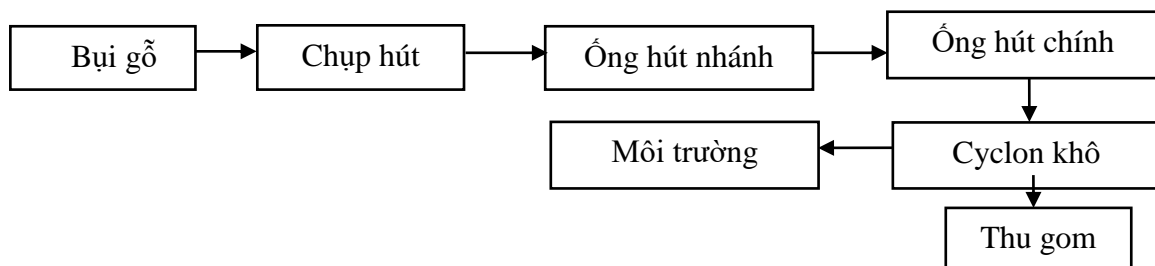
- Tổ chức vệ sinh nhà xưởng, khu vực tập kết nguyên liệu hằng ngày.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định cho công nhân, giám sát việc sử dụng dụng cụ bảo hộ trong quá trình làm việc.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho công nhân.

- Tại xưởng ván ghép thanh (công đoạn cưa, cắt, chà nhám đến công đoạn ghép thanh) và xưởng sản xuất viên nén (công đoạn nghiền và vận chuyển mùn cưa bằng băng tải): Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng Cyclon để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

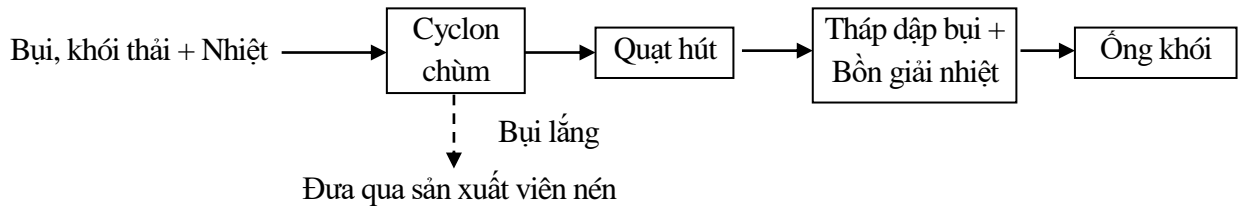
Sơ đồ hệ thống xử lý bụi tại Nhà máy:



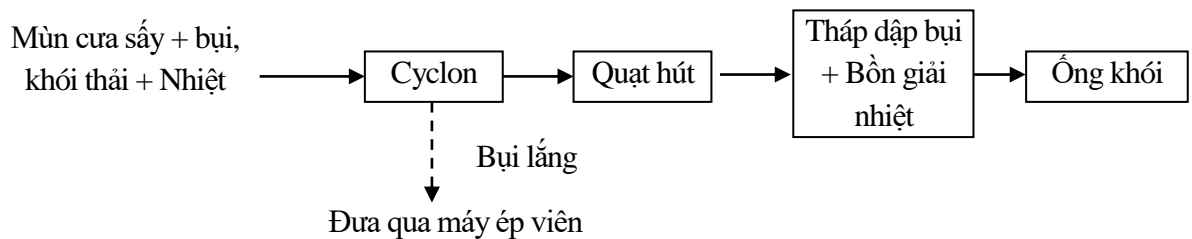
b) Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi, lò sấy viên nén

- Lắp đặt đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại mỗi lò hơi, lò sấy viên nén, quy trình như sau:

+ Quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò hơi:



+ Quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò sấy viên nén:



- Môi lò bằng nhiên liệu sạch dễ cháy.
- Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần.
- Nguyên liệu đốt lò phải khô, tránh đưa củ ướt vào lò.
- Cung cấp lượng khí thổi vừa đủ.

c) Mùi ô nhiễm phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất gỗ ghép thanh, khu vực chứa rác, hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Tính toán sử dụng lượng keo dán gỗ vừa đủ, tránh dư thừa; rơi, dính bám keo dán trong quá trình sản xuất gây bốc mùi khó chịu và độc hại.

- Công đoạn dán keo được thực hiện trong khu riêng, kín và được tự động hóa hoàn toàn để giảm thiểu tác động đến công nhân.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân khi phải tiếp xúc với keo.

- Bố trí công nhân dọn dẹp vệ sinh, tập kết rác thải hằng ngày vào các thùng rác có nắp đậy đặt tại nhà chứa rác.

- Định kỳ nạo vét các hố ga thường xuyên.

d) Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ trong khuôn viên nhà máy.

- Phun nước tại khu vực công nhà máy vào những ngày hanh khô, tần suất phun nước 02 lần/ngày.

- Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Tổ chức bảo trì định kỳ các phương tiện vận chuyển.

- Thường xuyên quét dọn khu vực tập kết nguyên liệu và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay cho công nhân bốc xếp nguyên liệu, hàng hóa.

- Lập kế hoạch bố trí thời gian nhập nguyên liệu và sản phẩm hợp lý nhằm hạn chế các phương tiện vận tải tham gia lưu thông trên các tuyến đường trong những giờ cao điểm.

3.2.2. Về xử lý nước thải

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Nhà máy được thu gom như sau:

- Nước thải sinh hoạt

- + Nước thải từ các thiết bị vệ sinh (xí bệt, âu tiêu) tại mỗi khu nhà được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý;

- + Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt được tách rác sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý;

- + Nước thải từ nhà ăn sau khi được tách rác và tách dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sản xuất

- + Nước rỉ từ bãi dăm: được tách rác, dăm tại song chắn rác, sau đó được thu gom vào bể gom rồi dẫn vào bể keo tụ, tạo bông kết hợp lắng để xử lý trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án;

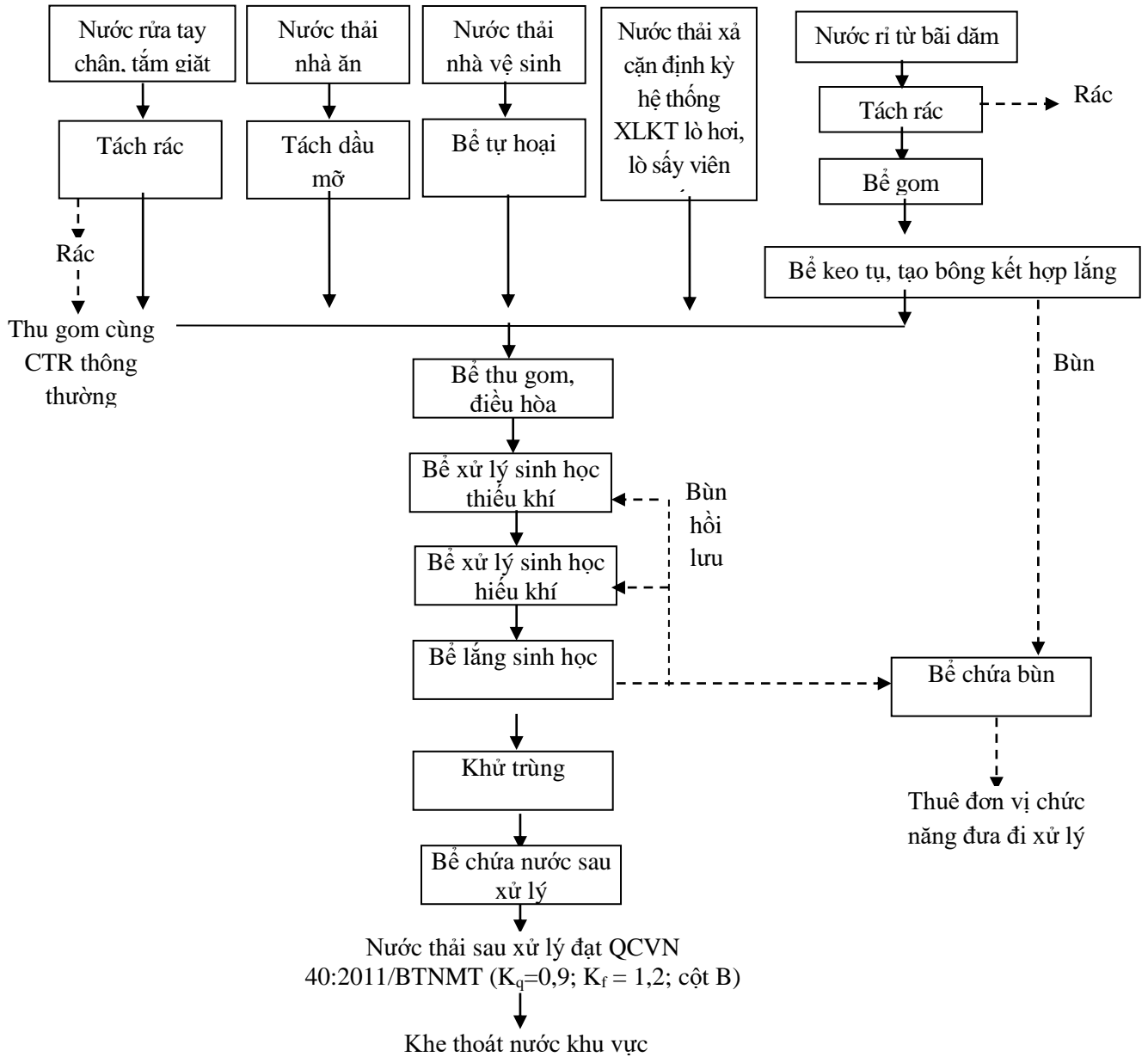
- + Nước thải xả cặn định kỳ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò sấy viên nén được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Lựa chọn công suất trạm xử lý nước thải khoảng 40 m³/ngày.đêm được bố trí tại góc phía Tây Bắc nhà máy.

Hiện nay, Cụm công nghiệp Sông Trà chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nên chủ dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý nước thải. Nước sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf = 1,2; cột B) được dẫn ra khe thoát nước khu vực ở phía Tây dự án, theo khe đổ ra sông Trường.

Trường hợp, sau khi Cụm công nghiệp Sông Trà xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thì chủ dự án đầu nối nước thải sau khi xử lý vào hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp.

Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại nhà máy:



- Nước mưa chảy tràn: được thu gom bằng hệ thống công thoát nước kín. Mạng lưới này được xây dựng bằng các ống BTLT D600 mm bố trí xung quanh khuôn viên nhà máy, độ dốc trung bình khoảng $i = 0,2\%$, hướng thoát từ Tây Nam sang Đông Bắc dẫn ra trực đường Trường Sơn Đông, qua miệng xả đổ ra khe thoát nước tự nhiên khu vực (tại góc phía Bắc nhà máy), theo khe thoát nước chảy về sông Trường cách dự án khoảng 1,1 km về phía Tây Bắc. Sau này Cụm công nghiệp hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa chung của cụm, dự án sẽ đầu nối nước mưa vào hệ thống thu gom của cụm theo đúng quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)

- Chất thải rắn sản xuất: thu gom riêng từng loại, cụ thể:

+ Đất, đá thải, tạp chất lẫn trong nguyên liệu được sàng lọc, thu gom, tập kết về kho lưu giữ CTR thông thường;

+ Mùn cưa, dăm bào, gỗ củi vụn rơi vãi trên nền xưởng được thu gom, tập kết về xưởng để sản xuất viên nén;

+ Bụi thu gom từ các Cyclon (trừ bụi lắng tại Cyclon của hệ thống xử lý khói thải lò hơi) được tập kết về xưởng để sản xuất viên nén;

+ Bụi lắng tại Cyclon của hệ thống xử lý khói thải lò hơi được thu gom vào bao tải và tập kết tại 1 góc của kho CTR thông thường;

+ Tro than từ đốt củi tại các lò hàng ngày được cho vào bao tải và tập kết tại 1 góc của kho CTR thông thường.

- Đối với CTR sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác thải có nắp đậy với dung tích phù hợp ngay tại vị trí phát sinh như khu nhà điều hành, phòng làm việc, nhà ăn, hành lang, đường nội bộ để thu gom rác thải. Đối với chất thải rắn có thể tái sử dụng như chai lọ, nhà máy thu gom lại định kỳ bán cho các cơ sở thu mua tái chế. Đối với chất thải rắn sinh hoạt không thể tái sử dụng như thức ăn thừa, bao bì nilon được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Xây dựng kho CTR thông thường nằm cạnh tường rào phía Bắc dự án với diện tích khoảng 34,75m² để tập kết CTR.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Thực hiện phân loại riêng CTNH với các loại CTR thông thường. Bố trí 02 thùng chứa CTNH có nắp đậy, có nhãn dán để thu gom riêng CTNH. Xây dựng kho CTNH bên cạnh kho CTR thông thường với diện tích khoảng 34,75m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Đầu tư dây chuyền sản xuất mới, hiện đại.

- Tại khu vực băm dăm, máy chặt mảnh được xây âm sâu khoảng 3m để hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Lắp đệm cao su chống rung động cho máy móc phát sinh tiếng ồn lớn (máy nghiền, máy băm dăm...).

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng công suất. Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn ở trực, thay thế phụ tùng hư hỏng.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc tại những khu vực có tiếng ồn cao như khu vực băm dăm, cưa, cắt xẻ gỗ, chà nhám.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch mặt bằng của nhà máy nhằm tạo dải cách ly, hạn chế tiếng ồn lan truyền sang các khu vực lân cận.

3.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường

a) Phòng ngừa sự cố cháy nổ

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy tại các khu vực;

+ Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng chống cháy nổ;

+ Nghiêm cấm công nhân hút thuốc hoặc mang bật lửa và các dụng cụ phát ra lửa vào khu vực sản xuất, nhà kho, sân chứa nguyên liệu;

+ Thành lập đội ứng cứu tại chỗ và luôn trong tình trạng sẵn sàng, nhất là vào mùa hè;

+ Định kỳ tổ chức tập huấn cho công nhân viên trong công tác phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ.

b) Phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi

- Chỉ sử dụng công nhân vận hành được đào tạo và có chứng chỉ về an toàn vận hành lò hơi.

- Tiến hành lắp đặt và vận hành theo đúng kỹ thuật.

- Kiểm tra các thông số áp lực, áp kế, van an toàn, van cấp nước trước mỗi lần khởi động lò hơi.

- Tiến hành kiểm tra vận hành và bảo dưỡng định kỳ.

- Đối với sự cố tăng áp lực dễ dẫn đến nguy cơ nổ lò hơi cần xả van an toàn bằng tay.

- Khi có sự cố cháy xảy ra, kịp thời di tản người ra khỏi khu vực và nhanh chóng tiến hành công tác ứng cứu người bị nạn nếu có.

c) Sự cố từ các công trình xử lý khí thải

- Tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ trong suốt thời gian vận hành để kịp thời xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Tổ chức tập huấn cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải, cách nhận biết dấu hiệu xảy ra sự cố và biện pháp ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố xảy ra, dừng mọi hoạt động sản xuất tại khu vực liên quan đến sự cố của công trình xử lý khí thải, nhanh chóng xác định nguyên nhân sự cố và sửa chữa kịp thời.

d) Phòng ngừa, ứng phó sự cố từ các công trình xử lý nước thải

- Sử dụng máy phát điện dự phòng được trang bị cho hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp bị mất điện.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Lập nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và sự cố xảy ra.
- Khi xảy ra sự cố cần xác định rõ nguyên nhân xác định phương hướng khắc phục. Đồng thời cử đội bảo trì đến sửa chữa hoặc thuê đơn vị có chức năng sửa chữa.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
1	Bể tự hoại	cái	3
2	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1
3	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại	cái	10
4	Kho chất thải nguy hại	cái	1
5	Kho chất thải rắn thông thường	cái	1
6	Hệ thống thu gom, xử lý bụi sản xuất	Hệ thống	8
7	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Hệ thống	2
8	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy viên nén	Hệ thống	6 ^(*)
9	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	1
10	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	1
11	Tưới đường		
12	Cây xanh cách ly	-	-

Ghi chú: (*) Các lò sấy viên nén được bố trí theo từng cặp. 02 hệ thống xử lý khí thải cùng thoát vào 01 ống khói. Số lượng ống khói cho 06 hệ thống xử lý khí thải từ lò sấy viên nén là 03 ống.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại công trường đang thi công.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO_x, CO.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

b) Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: tại công trường thi công.
- Thông số giám sát: khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR.
- Tiêu chuẩn so sánh: báo cáo ĐTM.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

c) Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: tại công trường thi công.
- Thông số giám sát: khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH.
- Tiêu chuẩn so sánh: báo cáo ĐTM.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

5.2. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Chủ dự án thực hiện đúng theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lập thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09, Phụ lục VI, Mục I, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát:
 - + 01 mẫu tại bể thu gom, điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung (kí hiệu NT1);
 - + 01 mẫu tại bể chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung (kí hiệu NT2).
- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Sunfua, Amoni, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT ((K_q=0,9; K_f = 1,2; cột B).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b) Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại phân xưởng ghép thanh (công đoạn mài nhám và dán keo) (kí hiệu KK);
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO_x, CO.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

c) Giám sát môi trường khí thải

- Vị trí giám sát: 05 mẫu tại 02 ống khói của 02 lò hơi và 03 ống khói của 06 lò sấy viên nén (kí hiệu KT1 – KT5).

- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp = 0,9; Kv = 1,2).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

d) Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: toàn khu dự án.

- Thông số giám sát: khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR.

- Tiêu chuẩn so sánh: báo cáo ĐTM.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

e) Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: toàn khu dự án.

- Thông số giám sát: khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH.

- Tiêu chuẩn so sánh: báo cáo ĐTM.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

6. Trách nhiệm của Chủ dự án

6.1. Tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Đức để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại điểm 4, khoản 7, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo

7.1. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.2. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

7.3. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.4. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.5. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.6. Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của khu vực đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Trường hợp khi Cụm công nghiệp Sông Trà đầu tư hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải của Cụm công nghiệp, Dự án phải thực hiện đấu nối nước

thải và nước mưa đã xử lý vào hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải của Cụm công nghiệp.

7.7. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.8. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng.

7.9. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.10. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.11. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.